

Ngày 30/09/2025	16,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-12.2%	-11.2%	13.5%

	Q3/25	
ROE	15.1%	+/- YoY ▼ 5.8%

	Q3/25		
DT thuần	72.0	QoQ ▲ 18.8 ▲ 35.3%	YoY ▲ 37.6 ▲ 109%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
DT thuần	168	YoY ▲ 84.1 ▲ 100%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN gộp	5.59	QoQ ▼ 0.39 ▼ 6.5%	YoY ▲ 2.10 ▲ 60.3%
	tỷ VNĐ		

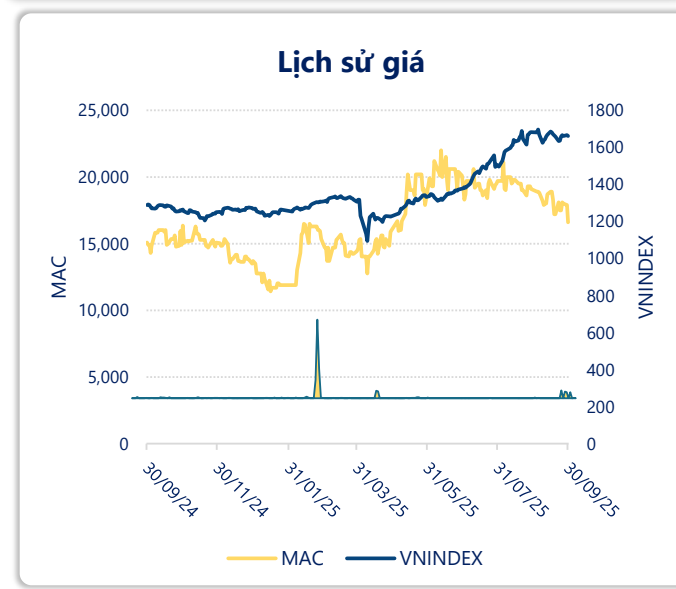
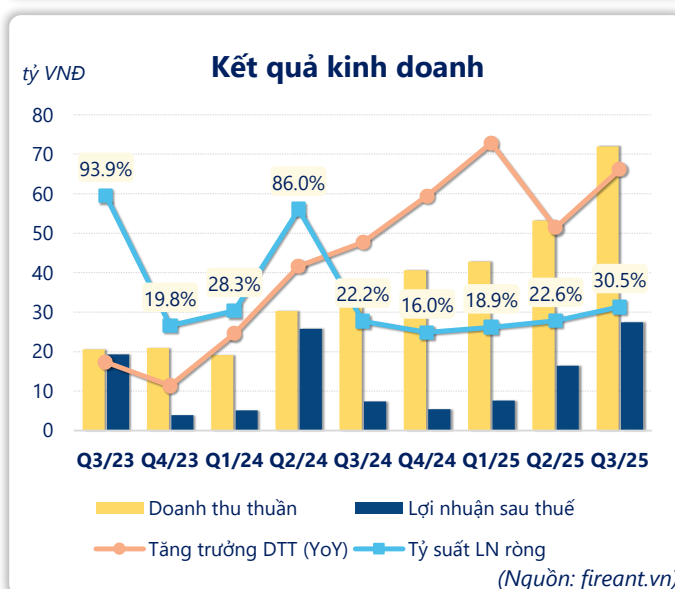
	9T 2025	
LN gộp	17.2	YoY ▲ 12.3 ▲ 251%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN thuần	34.5	QoQ ▲ 14.8 ▲ 75.3%	YoY ▲ 25.3 ▲ 275%
	tỷ VNĐ		

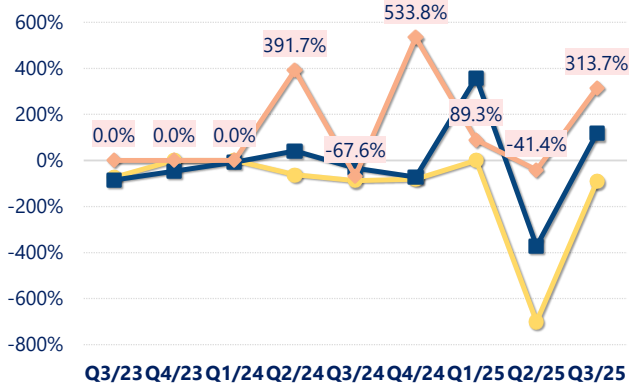
	9T 2025	
LN thuần	64.4	YoY ▲ 17.3 ▲ 36.9%
	tỷ VNĐ	

	Q3/25		
LN sau thuế	27.4	QoQ ▲ 11.0 ▲ 67.2%	YoY ▲ 20.0 ▲ 270%
	tỷ VNĐ		

	9T 2025	
LN sau thuế	51.4	YoY ▲ 13.1 ▲ 34.2%
	tỷ VNĐ	



Tăng trưởng lợi nhuận

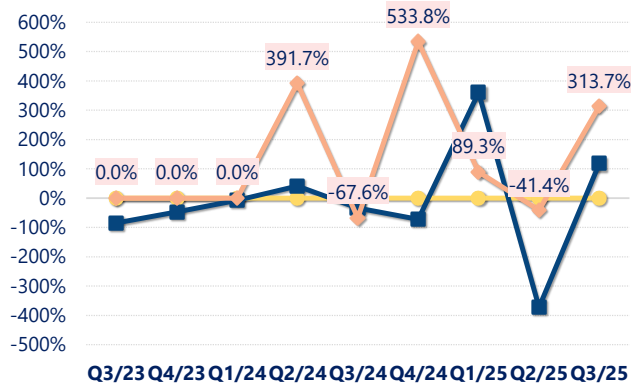


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng LN thuần (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí

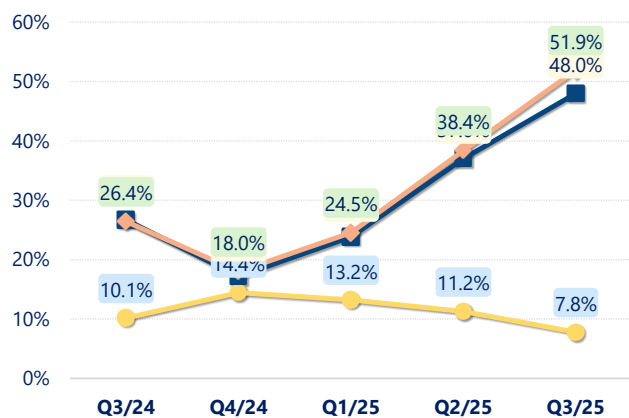


Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tăng trưởng CP lãi vay (YoY) — Tăng trưởng EBIT (YoY)
— Tăng trưởng LN sau thuế (YoY)

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

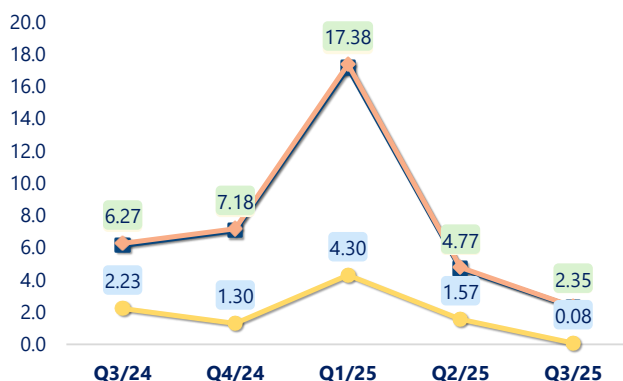


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ suất LN góp — Tỷ suất LN thuần — Tỷ suất lãi EBIT

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

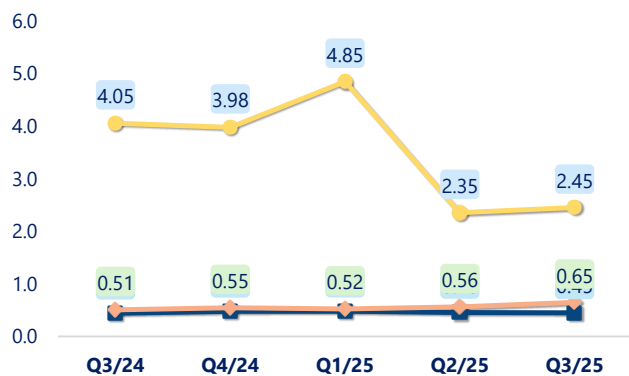


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Tỷ số thanh toán tiền mặt — Tỷ số thanh toán nhanh
— Tỷ số thanh toán hiện hành

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

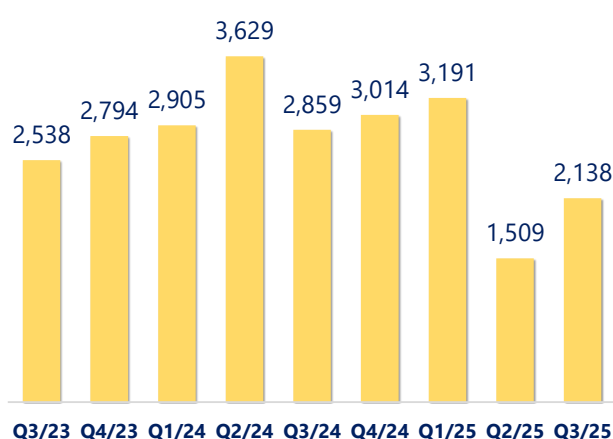


Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

— Vòng quay TSCĐ — Vòng quay Tổng TS
— Vòng quay VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

EPS



Q3/23 Q4/23 Q1/24 Q2/24 Q3/24 Q4/24 Q1/25 Q2/25 Q3/25

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	72.0	34.4	109%	168	83.9	100%
Giá vốn hàng bán	66.4	31.0	114%	151	79.0	91.0%
Lợi nhuận gộp	5.59	3.49	60.3%	17.2	4.92	251%
Doanh thu HĐTC	45.9	10.6	333%	79.1	56.9	39.1%
Chi phí TC	7.84	0.37	2019%	12.1	4.37	176%
Chi phí lãi vay	3.33	0.09	3604%	4.43	0.19	2250%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0.61	0.03	1924%	0.66	0.06	992%
Chi phí QLDN	8.51	4.45	91.1%	19.2	10.3	86.4%
LN thuần từ HĐKD	34.5	9.20	275%	64.4	47.1	36.9%
Lợi nhuận khác	-0.52	-0.20	-158%	-0.59	-0.28	-113%
LN trước thuế	34.0	9.00	278%	63.9	46.8	36.4%
Lợi nhuận sau thuế	27.4	7.41	270%	51.4	38.3	34.2%
LNST của CĐ cty mẹ	21.9	7.66	186%	42.1	39.1	7.5%

(Nguồn: fireant.vn)

